TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LX** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố LX tham gia phiên toà: Ông Kiều Văn Liêu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 475/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 116/14, tổ 1A khóm Tân Phú, phường M Q, thành phố LX, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số 116/14, tổ 1A khóm Tân Phú, phường M Q, thành phố LX, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M do tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2003, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cải, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Tháng 12/2020, ông H có nộp đơn xin ly hôn với bà M nhưng để tạo điều kiện cho vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ, hàn gắn tình cảm nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố LX ra Quyết định đình chỉ số 106/2020/QĐST-HNGĐ vào ngày 09/12/2020. Do mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên ông H yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 03/4/1999 và Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005. Sau khi ly hôn, đối với cháu Duyên đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Thành, ông H yêu cầu giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Tuyết M không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; nhưng tại phiên tòa, bà M trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà M thống nhất với lời trình bày của ông H về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Đồng thời, bà M cũng thừa nhận những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống của vợ chồng xuất phát từ khi ông H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù, bà M đã khuyên can và hàn gắn nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, thiếu tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Hiện bà M không còn tình cảm với ông H nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 03/4/1999 và Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005. Sau khi ly hôn, đối với cháu Duyên đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Thành, bà M yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện đồng ý ông H cấp dưỡng nuôi cháu Thành theo quy định pháp luật cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 03/4/1999 và Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005. Sau khi ly hôn, đối với cháu Duyên đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; đối với cháu Thành, ông H yêu cầu giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật và tại phiên tòa bà M cũng đồng ý. Do đó, xét mức cấp dưỡng mà ông H đề nghị là phù hợp với quy định pháp luật và tại phiên tòa bà M đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Tuyết M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 09/12/2021, Công an phường M Q, thành phố LX xác nhận: Đương sự bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1974, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 116/14, tổ 1A, khóm Tân Phú, phường M Q, thành phố LX, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị Tuyết M có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống vì vậy tháng 12/2020, ông H có nộp đơn xin ly hôn với bà M nhưng sau đó để tạo điều kiện cho vợ chồng có thêm thời gian suy nghĩ, hàn gắn tình cảm nên đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố LX ra Quyết định đình chỉ số 106/2020/QĐST-HNGĐ vào ngày 09/12/2020. Tuy nhiên, sau một thời gian cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên ông H, bà M đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, tại phiên tòa, bà M cũng thừa nhận những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống của vợ chồng xuất phát từ khi ông H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù, bà M đã khuyên can và hàn gắn nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, thiếu tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Hiện bà M không còn tình cảm với ông H nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, ông H, bà M xác định không thể tiếp tục cùng chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông H và bà M là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông H và bà M có 02 con chung tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 03/4/1999 đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 chưa trưởng thành, hiện đang do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và vẫn phát triển tốt về mọi mặt; hơn nữa tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 16/02/2022, cháu Thành cũng có nguyện vọng được sống cùng bà M; tại phiên tòa, bà M cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Thành. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Thành khi ông H và bà M ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với một người con chưa

thành niên. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 số tiền là 750.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành là phù hợp quy định pháp luật và được bà M tự nguyện đồng ý tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Trương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 số tiền là 750.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trương Văn H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn H với bà Lê Thị Tuyết M.

Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Trương Văn H với bà Lê Thị Tuyết M ngày 07/3/2003 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 cho bà Lê Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Trương Thị Mỹ Duyên, sinh ngày: 03/4/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trương Văn H không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương H Thành, sinh ngày 06/5/2005 số tiền là 750.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trương Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000688 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Buộc ông Trương Văn H phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo:

Ông Trương Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị Tuyết M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/4/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP LX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.LX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Dung